

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2020/DS - ST**

Ngày: 26/06/2020

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chương - Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Minh

2. Ông Nguyễn Anh Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T Trì - thành phố H Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Trì - thành phố H Nội tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị S Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 06 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Trì, thành phố H Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 34/2018/TLST - DS ngày 13/7/2018 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST - DS ngày 22/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST - DS ngày 10/9/2019, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/TB - TA ngày 21/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST - DS ngày 09/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hng TMCP V

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố H Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân Hng TMCP Việt N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T – Phó giám đốc Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ, VPBank hội sở, ông Đỗ THnh T – Phó giám đốc Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ, ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân Hng, SME và cá nhân, VPBank hội sở (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ – HĐQT ngày 02/03/2018).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trịnh Chiêu M - Trưởng bộ phận xử lý nợ, ông Nguyễn Thế K – Chuyên viên xử lý nợ, Bà Lê Thị H - Chuyên

viên xử lý nợ (theo Văn bản ủy quyền số 386a/2018/UQ-VPB ngày 08/4/2018), (có mặt bà H, vắng mặt ông M, ông K).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T - sinh năm 1963.

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện T, H Nội (Có đơn xin vắng mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Bà Nguyễn Thị H** - sinh năm 1959

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện T Trì, H Nội (Vắng mặt).

- **Ông Phạm Văn C** - Sinh năm 1946.

- **Bà Kiều Thị S** - Sinh năm 1953.

- **Anh Phạm Văn C** - Sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: thôn An L, xã V, huyện T, H Nội.

Ông C và bà S ủy quyền cho ông Phạm Văn C tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số công chứng 485/2019/GUQ, quyền số: 01.TP/CC - SCC/HĐGD lập ngày 09/09/2019 tại Văn phòng công chứng Lê Anh - TP H Nội.

(Vắng mặt).

- **Anh Vũ Văn T** - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn N, xã V, huyện T, H Nội (Vắng mặt).

- **Bà Chu Thị H** - Sinh năm 1947.

Địa chỉ: Lô số 7, khu nH C, 34/178 đường G, phường P, quận T, H Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2018 và bản tự khai ngày 21/8/2018 nguyên đơn là Ngân Hng TMCP Vdo bà Lê Thị H đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ngày 19/01/2016, ông Nguyễn Hữu T và vợ là bà Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng tín dụng số 5491570 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 5491570 với Ngân Hng TMCP V– Chi nhánh Sở giao dịch – Phòng giao dịch Lạc Trung để vay số tiền là 650.000.000 đồng; thời hạn vay 287 tháng (từ ngày 20/01/2016 đến ngày 20/02/2039); mục đích vay để mua bất động sản. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng thửa đất số 377A, tờ bản đồ số 01, diện tích 192 m², tại địa chỉ: xã V, huyện T, tHnh phố H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 093269 do UBND huyện T, H Nội cấp ngày 07/11/2014 cho ông Vũ Văn T, ngày 11/01/2016 đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Hữu T. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 170/2016, quyền số: 01-2016TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/01/2016 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, TP. H Nội.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, Ngân Hng TMCP Vđã giải ngân đầy đủ tiền vay cho ông T bà H nhưng bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 20/04/2016. Ông T, bà H đã T toán cho VPBank số tiền nợ gốc:

1.021.843 đồng, nợ lãi: 42.814.081 đồng, tổng cộng là 43.835.924 đồng. Tạm tính đến ngày 27/02/2018, ông T bà H còn nợ Ngân Hng số tiền nợ gốc: 648.978.157 đồng, nợ lãi: 190.870.034 đồng, phạt chậm trả lãi: 30.042.427 đồng, tổng cộng là 869.890.619 đồng. Vì vậy, VPBank khởi kiện ông T bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hữu T và vợ là bà Nguyễn Thị H phải T toán cho VPBank số tiền vay tạm tính đến ngày 27/02/2018 là 869.890.619 đồng, trong đó nợ gốc: 648.978.157 đồng, nợ lãi: 190.870.034 đồng, phạt chậm trả lãi: 30.042.427 đồng. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông T bà H thực tế T toán hết nợ cho VPBank. Trong trường hợp ông T bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của ông T bà H để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất số 377A, tờ bản đồ số 01, diện tích 192 m², tại địa chỉ: xã V, huyện T, thành phố H Nội.

Tại đơn yêu cầu ngày 21/6/2019 nguyên đơn trình bày: Quá trình VP bank làm việc với bà Nguyễn Thị H, bà H đã có ý kiến bà không ký vào các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ của ngân Hng. Ông Nguyễn Hữu T thừa nhận toàn bộ khoản vay với ngân Hng và đồng ý sẽ chịu trách nhiệm trả nợ với toàn bộ khoản vay nêu trên, tài sản bảo đảm cho khoản vay là tài sản của cá nhân ông T không liên quan gì đến bà H. Do đó, nguyên đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện, chỉ khởi kiện đối với bị đơn là ông Nguyễn Hữu T và đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông T phải T toán cho VPBank số tiền vay tạm tính đến ngày 27/02/2018 là 869.890.619 đồng, trong đó nợ gốc: 648.978.157 đồng, nợ lãi: 190.870.034 đồng, phạt chậm trả lãi: 30.042.427 đồng. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông T bà H thực tế T toán hết nợ cho VPBank. Trong trường hợp ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

*** Bị đơn là ông Nguyễn Hữu T trình bày:**

Tôi và vợ tôi là bà Nguyễn Thị H đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án nhưng do vợ tôi không liên quan gì đến việc vay giữa tôi với Ngân Hng nên vợ tôi không đến Tòa án làm việc. Tôi xin trình bày ý kiến quan điểm của mình như sau:

Ngày 04/01/2016, tôi và bà Chu Thị H đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 377A tờ bản đồ số 01 xã V, huyện T, thành phố H Nội (Vợ tôi là bà Nguyễn Thị H đã có Bản cam kết xác nhận Thửa đất trên là tài sản riêng của tôi, không liên quan gì đến vợ tôi) với giá chuyển nhượng là 700.000.000 đồng. Tôi đã đặt cọc 100.000.000 đồng cho bà H từ trước khi chuyển nhượng (Sau đó bà H đã trả lại tôi 50.000.000 đồng). Số tiền còn lại 650.000.000 đồng tôi đã T toán bằng phương T chuyển khoản từ tài khoản số 94347696 của tôi tại VPBank Lạc Trung sang tài khoản số 28386915 của bà Chu Thị H mở tại VPBank Đồng Tâm theo Ủy nhiệm chi ngày 19/01/2016. Ngày 11/01/2016 tôi đã được đứng tên Thửa đất nói trên.

Ngày 19/01/2016, tôi đã ký Hợp đồng tín dụng số 5491570 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 5491570 với Ngân Hng TMCP V – Chi nhánh Sở giao dịch – Phòng giao dịch Lạc Trung để vay số tiền là 650.000.000 đồng; thời hạn vay 287 tháng (từ ngày 20/01/2016 đến ngày 20/02/2039); mục đích vay để mua bất động sản. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất

trong hạn. Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất số 377A, tờ bản đồ số 01, diện tích 192 m², tại địa chỉ: xã V, huyện T, tHnh phố H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nh ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 093269 do UBND huyện T, H Nội cấp ngày 07/11/2014 cho ông Vũ Văn T, ngày 11/01/2016 đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Hữu T. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 170/2016, quyền số: 01-2016TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/01/2016 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, TP. H Nội.

Tôi khẳng định Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết tại Ngân Hng chỉ do một mình tôi ký, vợ tôi không ký vào bất kỳ văn bản nào. Vợ tôi không liên quan và không có trách nhiệm gì trong việc tôi mua đất, vay tiền, thế chấp tài sản như tôi đã trình bày trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, tôi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ được tôi đã T toán trả nợ được Ngân Hng bao nhiêu tiền gốc.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tôi có quan điểm: Việc vay nợ và thế chấp tài sản tại Ngân Hng VPBank chỉ do một mình tôi thực hiện, vợ tôi không ký vào bất kỳ giấy tờ gì, không có trách nhiệm gì với Ngân Hng nên việc Ngân Hng khởi kiện cả hai vợ chồng tôi để yêu cầu trả nợ là không đúng. Về số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân Hng khởi kiện yêu cầu tôi trả nợ là không chính xác vì tôi đã trả nợ và nhờ bà Chu Thị H trả nợ cho Ngân Hng nhiều hơn số tiền Ngân Hng nêu trong đơn khởi kiện. Tôi sẽ thu thập lại toàn bộ các hóa đơn chứng từ mà tôi đã trả nợ cho Ngân Hng và đề nghị Tòa án tạo điều kiện để hai bên đối chiếu thống nhất số tiền nợ gốc, lãi còn lại. Do hiện nay tôi không có khả năng trả nợ cho Ngân Hng. Sau khi hai bên đối chiếu thống nhất số tiền nợ, tôi đề nghị Ngân Hng phát mại tài sản bảo đảm mà tôi đã thế chấp để thu hồi khoản nợ của tôi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn C trình bày:***

Thửa đất số 377A tờ bản đồ số 01 xã V, huyện T, tHnh phố H Nội có nguồn gốc do ông cha để lại cho bố mẹ tôi. Bố mẹ tôi cho lại tôi thửa đất này (tôi không nhớ được chính xác thời điểm bố mẹ tôi cho tôi đất vào năm nào), tôi đã làm thủ tục sang tên và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014 do tôi có nhu cầu vay tiền để làm ăn nhưng do không đủ điều kiện để vay Ngân Hng nên tôi có nhờ anh Vũ Văn T (Sinh năm 1983, địa chỉ tại thôn Nguyên Hanh, xã V, huyện T, H Nội) đứng ra để làm thủ tục vay tiền Ngân Hng hộ tôi với chi phí là 20% trên số tiền vay được. Tôi không đề nghị cụ thể anh T vay hộ bao nhiêu tiền mà chỉ nói vay được càng nhiều càng tốt. Anh T có yêu cầu tôi phải làm thủ tục sang tên cho anh T thửa đất nói trên thì anh T mới vay tiền được Ngân Hng. Tháng 09/2014 tôi và anh T đã làm thủ tục sang tên thửa đất nói trên từ tên tôi sang anh T đứng tên và giữ luôn sổ đỏ. Sau đó tôi có hỏi nhiều lần nhưng anh T nói không vay được tiền, tôi đã đòi lại sổ đỏ nhưng anh T khất lần không trả. Anh T nói anh T giữ lại để Ngân Hng thẩm định tài sản khi cho vay. Anh T không nói với tôi bất kỳ thông tin gì về việc anh T đã chuyển nhượng thửa đất của tôi cho bà Chu Thị H. Đến thời điểm Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất mà anh T thế chấp cho Ngân Hng (do anh T nhận chuyển nhượng từ bà Chu Thị H) khi đó tôi đang ở trên đất cùng bố mẹ tôi và được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng tôi mới biết việc anh T đã chuyển nhượng thửa đất nói trên qua nhiều người khác nhau đã thế chấp cho ngân Hng. Việc tôi và anh T thỏa thuận

với nhau tôi nhờ anh T vay vốn và sang tên quyền sử dụng đất cho anh T có văn bản nhưng do thời gian lâu nên tôi sẽ về tìm lại và cung cấp cho Tòa án.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân Hng cũng như ý kiến trình bày của anh T ở trên về việc nếu anh T không trả được nợ thì Ngân Hng có quyền phát mại tài sản bảo đảm là Thửa đất số 377A tờ bản đồ số 01 xã V, huyện T, tHnh phố H Nội mà tôi đang ở, tôi không đồng ý vì đây là tài sản của tôi. Tôi chỉ sang tên cho anh T để nhờ anh T vay vốn Ngân Hng chứ không có việc hai bên mua bán thật. Tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến trình bày của anh T.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị H:***

Bà H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt, ngày 09/09/2019 bà H gửi cho Tòa án « Giấy xác nhận tài sản không tranh chấp » có nội dung: Bà H mua thửa đất số 377A tờ bản đồ số 01 tại xã V, T, H Nội diện tích 192m² có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp ngày 07/11/2014, số sổ đỏ: Bs093269 của vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Đào Thị T Loan cùng có HKTT tại Đội 1, xã Nguyên Hanh, huyện V, T, H Nội. Việc mua bán mảnh đất có hợp đồng công chứng sang tên sổ đỏ tại Phòng TNMT, ông T bà Loan có biên bản tự nguyện bàn giao đất cho bà H ký tên 2 vợ chồng, hai bên không có tranh chấp, khiếu kiện gì. Bà H đã chuyển nhượng thửa đất cho ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1963, số CMT 012780482, thường trú tại H, T, T Trì, H Nội, việc chuyển nhượng đất giữa hai bên hoàn tHnh ngày 11/01/2016, không có tranh chấp gì. Giá chuyển nhượng là 700.000.000 đồng, bà H đã nhận đủ số tiền này. Bà H có nộp kèm theo bản photocopy Biên bản bàn giao đất ngày 15/6/2015 của ông Vũ Văn T và bà Đào Thị T Loan.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H :*** Bà H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đến tham gia tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản gửi Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn cũng như quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn T:*** Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đến tham gia tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản gửi Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn cũng như quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hữu T phải T toán cho VPBank số tiền vay tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/06/2020) là: Nợ gốc: 648.978.157 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.267.913 đồng, nợ lãi quá hạn là 462.344.531 đồng: Tổng cộng gốc và lãi là 1.117.590.601 đồng. Đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi do bị đơn gặp nhiều khó khăn nên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải T toán khoản phạt chậm trả lãi. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông T trả hết nợ cho VPBank. Trong trường hợp ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi Hnh án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của ông T là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 377A, tờ bản đồ số 01, diện tích 192 m², tại địa chỉ: xã V, huyện T, tHnh phố H Nội để thu hồi nợ.

- Bị đơn là ông Nguyễn Hữu T vắng mặt do có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, anh Phạm Văn C, ông Phạm Văn C và bà Kiều Thị S do anh C đại diện theo ủy quyền, anh Vũ Văn T, bà Chu Thị H vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Trì phát biểu ý kiến :

+ Về tố tụng : Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng; Nguyên đơn có ý T chấp hành pháp luật, tham gia đầy đủ các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành việc triệu tập của Tòa án nhưng tại phiên tòa hôm nay đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án chưa chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

+ Về nội dung: Việc bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ hai bên đã ký là vi phạm hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi nợ theo hợp đồng tín dụng và đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng:

1. Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị H:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2018, nguyên đơn là Ngân Hàng TMCP Vkhởi kiện đối với các bị đơn là ông Nguyễn Hữu T và vợ ông T là bà Nguyễn Thị H vì cho rằng bà H có ký kết các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ với ngân Hàng. Ngày 21/6/2019, nguyên đơn có đơn yêu cầu về việc nguyên đơn chỉ khởi kiện đối với ông Nguyễn Hữu T vì ông T xác nhận nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ vay cho ngân Hàng.

Tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật dân sự quy định: “*Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm*”.

Tại khoản 2 Điều 71 quy định về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn: “*Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện; rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện*”.

Do đó, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ khởi kiện đối với ông Nguyễn Hữu T là quyền của nguyên đơn và không trái với các quy định của pháp luật nên chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này. Tuy nhiên, do trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thể hiện bên vay có bà Nguyễn Thị H, có chữ ký và họ tên của bà H nên Tòa án xác định bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

2. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngày 22/8/2019, Tòa án nhân dân huyện T Trì đã ra quyết định số 74/2019/QĐXXST - DS đưa vụ án ra xét xử vào hồi 14h00' ngày 10/9/2019, quyết định này đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa ngày 10/9/2019,

phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, anh Vũ Văn T, bà Chu Thị H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa nhưng chưa ấn định thời gian mở lại phiên tòa. Ngày 21 tháng 05 năm 2020, Tòa án đã có thông báo số về việc mở lại phiên tòa vào hồi 08h30' ngày 09 tháng 06 năm 2020. Thông báo này đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Nguyễn Hữu T có đơn xin vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ là bà H, ông C, bà S, anh C, anh T, bà H tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

II. Về nội dung:

1. Xét yêu cầu đòi nợ theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn thấy:

Xét Hợp đồng tín dụng số 5491570 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 5491570 cùng ngày 19/01/2016 thấy: Bên cho vay là Ngân Hng TMCP V(Vpbank) - Chi nhánh Sở giao dịch - Phòng giao dịch Lạc Trung do ông Nguyễn Trung Hiếu là giám đốc đại diện ký kết và đóng dấu của Phòng giao dịch Lạc Trung, Bên vay là ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị H thể hiện đầy đủ chữ ký, họ tên trong hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận ông có ký kết hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nhưng cho rằng bà H không ký vào các văn bản này. Do bà H từ chối tham gia tố tụng và không có văn bản gửi Tòa án để trình bày về việc bà không ký hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, không có đương sự nào yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà H trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng tín dụng số 5491570 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 5491570 có hình T và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Ngân Hng TMCP V đã giải ngân cho bên vay toàn bộ số tiền vay 650.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng.

Tại giấy nhận nợ nêu trên, các bên thỏa thuận:

« 4. Thời hạn vay : 287 tháng, từ ngày 18/01/2016 đến ngày 18/12/2039»

...

«6. Các kỳ trả nợ gốc và lãi : Bên vay phải trả nợ gốc và nợ lãi cho Bên ngân Hng theo định kỳ 01 tháng/lần... »

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ bên vay chỉ T toán cho ngân Hng được 1.021.843 đồng gốc và 42.814.081 đồng lãi sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân Hng theo lịch trả nợ mà các bên đã thống nhất. Ngân Hng đã chuyển khoản nợ của bên vay thành nợ quá hạn, thu hồi trước hạn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của hợp đồng tín dụng là đúng với thỏa thuận của hai bên.

Tại điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách Hng (Ban Hành theo Quyết định số 1267/2001/QĐ - NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân Hng nH nước Việt Nam) về nghĩa vụ của khách Hng (bên vay vốn) phải: “Trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng”. Do

đó, việc bị đơn không trả được nợ gốc, lãi của các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên cho ngân Hng theo đúng thời hạn vay vốn hai bên đã thỏa thuận là vi phạm các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết, vi phạm điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay đã trích dẫn ở trên. Ngân Hng có quyền chấm dứt cấp tín dụng và xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Hữu T đề nghị được đối chiếu công nợ với ngân Hng để xác định số tiền nợ còn lại chưa T toán cho ngân Hng nhưng sau đó ông T không đến Tòa án làm việc, không liên hệ với Ngân Hng để thực hiện việc đối chiếu công nợ. Do ông T từ bỏ quyền đối chiếu công nợ của mình nên Hội đồng xét xử xác định số tiền ông T còn nợ Ngân Hng theo trình bày của nguyên đơn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2020) bên vay còn nợ ngân Hng số tiền như sau: Nợ gốc: 648.978.157 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.267.913 đồng, nợ lãi quá hạn là 462.344.531 đồng; Tổng cộng gốc và lãi là 1.117.590.601 đồng.

Tại khoản 1 của Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về việc thực hiện nghĩa vụ liên đới như sau : *«Nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ do nhiều cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ »*. Vì vậy, việc Ngân Hng TMCP V chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu T trả nợ cho ngân Hng là có căn cứ để chấp nhận, cần buộc ông T phải trả nợ cho nguyên đơn toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án cho xử lý phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ thấy:

Ngày 15/01/2016, tại Văn phòng công chứng Đông Đô ông Nguyễn Hữu T (Bên thế chấp) và Ngân Hng TMCP V(Vpbank) – Chi nhánh Sở giao dịch (Bên nhận thế chấp) đã ký kết hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác có số công chứng 170/2016; Quyền số: 01 – 2016 TP/CC-SCC/HĐGD. Theo đó, ông T đồng ý thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất của Bên thế chấp đối với thửa đất theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nh ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BS 093269, số vào sổ cấp GCN: CH00831 do UBND huyện T, tHnh phố H Nội cấp ngày 07/11/2014. Ngày 11/01/2016 đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Hữu T tại Văn phòng đăng ký đất đai H Nội – Chi nhánh huyện T, cụ thể như sau: Thửa đất số 377A, Tờ bản đồ số 01, Địa chỉ thửa đất: Xã V, Huyện T, THnh phố H Nội, Diện tích: 192m² (bằng chữ: Một trăm chín mươi hai mét vuông) để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ của ông Nguyễn Hữu T và vợ là bà Nguyễn Thị H đối với Ngân Hng TMCP V phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng ký giữa Bên ngân Hng và Bên vay trong khoảng thời gian kể từ ngày 15/01/2016 đến 15/01/2021. Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên được các bên tự nguyện ký kết, có hình T, nội dung không trái với các quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi Hnh đối với các bên.

Tại các điểm a khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng này các bên thỏa thuận về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu nợ như sau: *“Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các Văn kiện tín dụng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng*

thế chấp này, được hiểu bao gồm cả trường hợp Bên vay phải trả nợ trước hạn cho Bên ngân Hng trong các trường hợp quy định trong Văn kiện tín dụng hoặc theo quy định của pháp luật nhưng Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ trước hạn”...

Tại điểm e khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận: “*Bên thế chấp cam kết và xác nhận rằng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này đều thuộc Tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho các nghĩa vụ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.*

Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 351, Điều 355 Bộ luật dân sự 2005.

Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân Hng đề nghị Tòa án cho xử lý phát mại tài sản bảo đảm là thửa đất số 377A tờ bản đồ số 01 xã V vì đây là thửa đất của ông C sang tên cho ông Vũ Văn T để nhờ ông T vay tiền chứ ông C không chuyển nhượng thật cho ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Phạm Văn C đã có đơn tố cáo ông Vũ Văn T tại Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T. Ngày 27/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã có Quyết định không khởi tố vụ án số 43 vì việc ông C tố cáo ông T chỉ là tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu vụ án hình sự. Xét các hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 377A tờ bản đồ số 01 xã V từ anh Phạm Văn C chuyển nhượng cho anh Vũ Văn T, từ anh Vũ Văn T chuyển nhượng cho bà Chu Thị H, từ bà Chu Thị H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu T đều đúng với các quy định của pháp luật. Quyền sử dụng đất của thửa đất số 377A tờ bản đồ số 01 xã V, T được sang tên cho ông Nguyễn Hữu T hợp pháp, ông T đã thế chấp cho VPBank và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng pháp luật. Do đó, ý kiến của anh C không có cơ sở để chấp nhận. Việc anh T vi phạm thỏa thuận với anh C như anh C trình bày là một quan hệ pháp luật khác không liên quan trong vụ án này. Anh C cũng không có yêu cầu độc lập với đương sự nào khác trong vụ án nên không có căn cứ để xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Trì tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các điều 26, 35, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 281 và các điều 290, 298, 302, 342, 348, 349, 350, 351, 355, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005

- Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1267/2001/QĐ - NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Nguyễn Hữu T.

Buộc ông Nguyễn Hữu T trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo Hợp đồng tín dụng số 5491570 ngày 19/01/2016 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 5491570 ngày 19/01/2016 các khoản tiền nợ tính đến ngày 26/6/2020 như sau:

- Nợ gốc: 648.978.157 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 6.267.913 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 462.344.531 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 1.117.590.601 đồng (Một tỷ một trăm mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn sáu trăm linh một đồng).

Kể từ ngày 27/6/2020, ông Nguyễn Hữu T còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cùng các khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết, tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Trường hợp ông Nguyễn Hữu T không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại các tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng đất của thửa đất theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BS 093269, số vào sổ cấp GCN: CH00831 do UBND huyện T, thành phố H Nội cấp ngày 07/11/2014. Ngày 11/01/2016 đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Hữu T tại Văn phòng đăng ký đất đai H Nội - Chi nhánh huyện T, cụ thể như sau: Thửa đất số 377A, Tờ bản đồ số 01, Địa chỉ thửa đất: Xã V, Huyện T, Thành phố H Nội, Diện tích: 192m² (bằng chữ: Một trăm chín mươi hai mét vuông).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 45.527.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 19.048.000 (Mười chín triệu không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T Trì, thành phố H Nội theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0008072 ngày 12/7/2018.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP H Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T Trì;
- Chi cục thi hành án dân sự H. T Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương

